

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2017.

“V/v tranh chấp về hôn
nhân và gia đình - ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Vệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 01/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2017 về “tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Văn P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã Tịnh Thới, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã Tịnh Thới, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông P có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 20/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn P trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bé T sống chung như vợ chồng từ tháng 7/1986, không có đăng ký kết. Khoảng thời gian sống chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông P và bà T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Vợ chồng không sống chung từ năm 2013 đến nay. Khoảng cuối năm 2016, bà T cùng những người bà T thuê vào quán cà

P Khúc Ban Chiêu tại phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp để gây sự. Sự việc trên ông P đã trình báo công an phường Mỹ Phú và công an có lập biên bản nhưng do ông P bất nại nên không xử phạt hành chính đối với bà T. Việc bà T cho rằng ông P có tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng. Ông P làm việc mua bán xoài nên thường xuyên giao thiệp với những người làm ăn chung. Ông P nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay ông P yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm X, sinh năm 1988, Trần Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1996, hiện 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có. Trước đây, vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn và lãi là 27.103.644 đồng nhưng đã trả xong.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 19/4/2017 và tại các phiên hòa giải bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Bà T thống nhất lời trình bày của ông P về thời gian chung sống. Ông P đã bị Tòa án xử phạt tù về tội vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng vào năm 1996. Sau khi ông P chấp hành án xong, bà T vẫn tha thứ để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thời gian sau đó khoảng 4 năm, ông P đi làm ăn ở Định Quán, tỉnh Đồng Nai thì có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên Thủy được hai năm và ông P trở về và bà T cũng tha thứ vì thương các con không có cha. Từ năm 2011 đến nay, ông P làm nghề mua bán xoài, ông P mua 01 căn nhà sống cùng với người phụ nữ khác ở phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà T không có chứng cứ chứng minh. Năm 2015, ông P làm vừa xoài thì bà T vẫn còn tới lui. Vợ chồng không sống chung từ năm 2016 đến nay, không phải năm 2013 như ông P trình bày. Lúc 21 giờ, ngày 18/12/2016, bà T chạy xe trên đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú thì gặp cô Nguyễn Thị H là người có quan hệ tình cảm với ông P nên bà T đã dừng xe lại đi vào quán cà P Khúc Ban Chiêu và bà T đánh cô H tại quán cà P. Sự việc trên không có lập biên bản vì ông P kêu đừng xử lý. Bà T nghĩ từ sự việc nêu trên nên ông P yêu cầu ly hôn với bà T. Bà T nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bà T không có lỗi gì với ông P. Nay bà T không đồng ý ly hôn với ông P.

Con chung: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông P là vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm X, sinh năm 1988, Trần Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1996, hiện 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn và

lãi là 27.103.644 đồng, ông P đã trả xong. Ngoài ra, vợ chồng không có nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Trần Văn P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T địa chỉ tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Bé T nhưng bà Nguyễn Thị Bé T không có mặt tại phiên tòa hôm nay, anh P đồng ý việc xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bé T tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bé T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bé T được xác lập vào năm 1986, do hai ông bà tự nguyện và thừa nhận, ông bà không có đăng ký kết hôn nhưng ông bà chung sống như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 và đang chung sống như vợ chồng là hôn nhân thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bé T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa hôm nay, ông P cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà Bé T, tại phiên hòa giải bà Bé T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P, bà cho rằng ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà không có chứng cứ chứng minh và ông P cũng không thừa nhận, bà Bé T không có mặt tại phiên tòa để trình bày về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bé T có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P, ông Trần Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé T.

Xét con chung: Tại phiên hoà giải, ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bé T thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm X, sinh năm 1988, Trần Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1996, hiện 02 con chung đã trưởng

thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên toà, ông P vẫn giữ nguyên quan điểm là con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng bà Bé T vắng mặt tại phiên toà, không trình bày về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: Tại phiên hoà giải, ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bé T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên toà, ông P vẫn giữ nguyên quan điểm là không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nhưng bà Bé T vắng mặt tại phiên toà, không trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Nợ chung: Tại phiên hoà giải, ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bé T thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ. Tại phiên toà, ông P vẫn giữ nguyên quan điểm là vợ chồng không có nợ chung nhưng bà Bé T vắng mặt tại phiên toà, không trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn P, ông Trần Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé T.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08296 ngày 05/4/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, như vậy ông Trần Văn P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn P có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Bé T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Cẩm Trinh**

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Để thi hành
Thành phố Cao Lãnh, ngày 12 tháng 10 năm 2017
**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Cẩm Trinh**